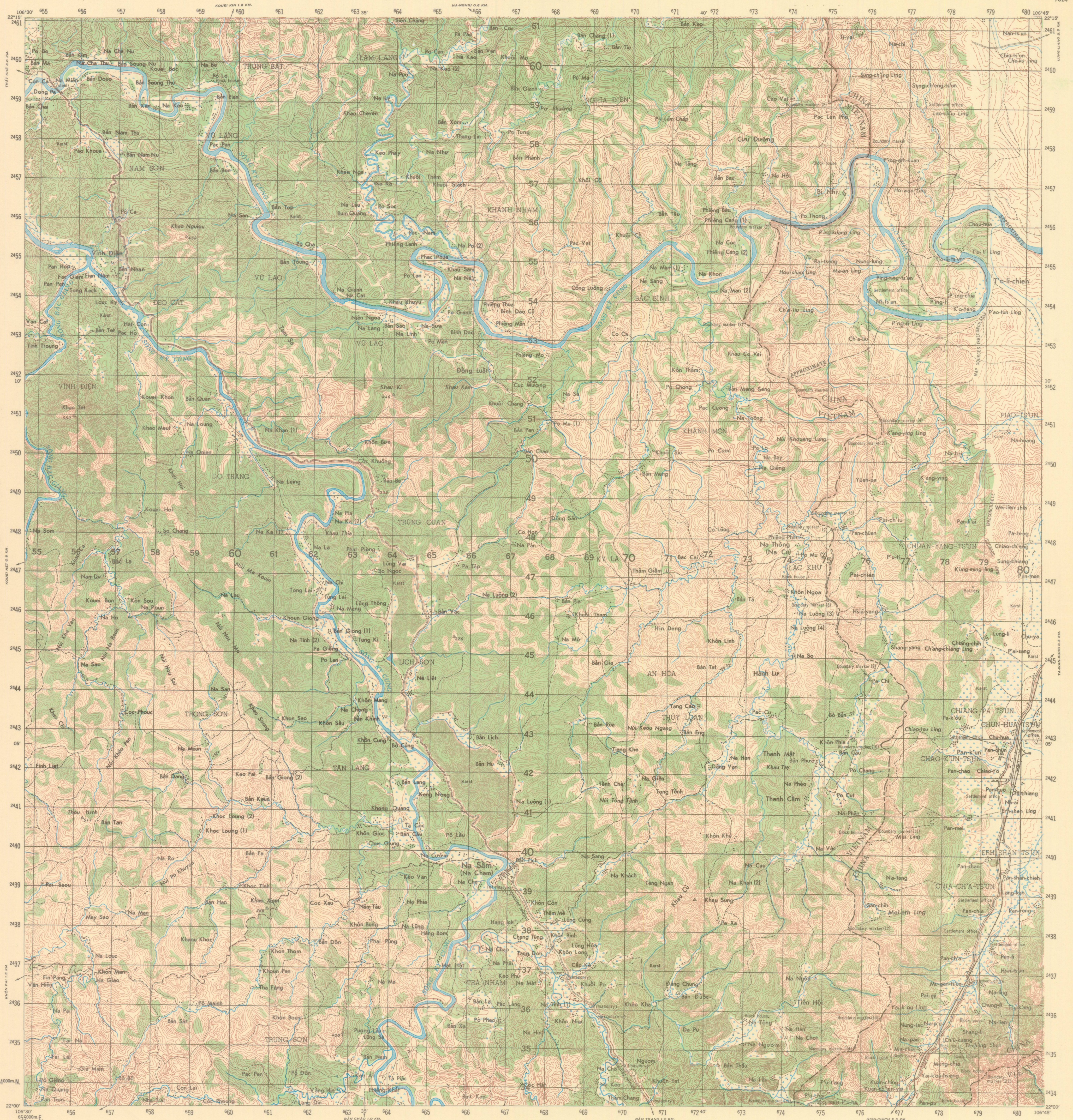




NHA ĐỊA DƯ - ĐÀ-LẠT
QUẢN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
In lần thứ nhất 10-75

FOR CHINA LEGEND SEE ADJOINING SERIES
POUR LA LÉGENDE DU CHINE VOIR LA SÉRIE ADJACENTE
XEM CHÚ-TƯ PHIA TRUNG-HOA Ơ KẾ-CÁN, LOẠI
LEGEND-CHÚ-TƯ
MAP INFORMATION AS OF 1964
REVISIONS CARTOGRAPHIQUES 1964
BẢN-ĐỒ TỈNH-TUC NĂM 1964
On this map a LINE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width
Sur cette carte une LIGNE correspond à une largeur minimum de 2.4 mètres (8 pieds)
Trên bản đồ này một LỘI XE ĐI chỉ được coi như rộng ít nhất là 2.4 mét

CONTOUR INTERVAL-20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS-10 METERS
RELIEF PARTIALLY SHOWN BY FORM LINES

SPHEROID: EVEREST
GRID: 1,000 METER UTM: ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)
PROJECTION: TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM: APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL
HORIZONTAL DATUM: INDIAN DATUM 1960

ÉQUIDISTANCE DES COURBES: 20 MÈTRES
LES COURBES INTERCALAIRES: 10 MÈTRES
RELIEF PARTIELLEMENT REPRÉSENTÉ PAR LES LIGNES CARACTÉRISTIQUES

ELLIPSOID: EVEREST
QUADRILLAGE: KILOMÉTRIQUE UTM: FUSEAU 48 (LES LIGNES CHIFFRÉES EN NOIR)
PROJECTION: TRANSVERSE MERCATOR
NIVEAU DE RÉFÉRENCE: NIVEAU MOYEN APPROXIMATIF DES MERS
LE RÉSEAU GÉODÉSIQUE DE RÉFÉRENCE: LE RÉSEAU GÉODÉSIQUE DE L'INDIE 1960

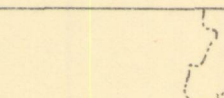
KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TÙNG: 10 MÉT
MỘT PHẦN DẠ-THỂ ĐƯỢC TRÌNH-BÀY BẰNG CÁC ĐƯỜNG ĐỒ-ĐỊỂN HÌNH THỂ

KHỐI BẦU-ĐỤC: UTM TỶ LỆ 1:600,000 KHI HÌNH THỜI 48
CÁC ĐƯỜNG CÓ CHỈ SỐ ĐƯỜNG U.T.M.
HỆ-THỐNG CHIẾU: MẶT ĐẤT TRUNG-BÌNH PHỐC CHUNG
HỆ-THỐNG TRẮC-CẦU CHUẨN: HỆ-THỐNG TRẮC-CẦU AN-ĐO 1960

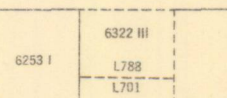
CHỈ-ĐẪN CAO-ĐỘ



NHỮNG ĐỊA-ĐỊA



BẢNG RÁP ĐỊA-ĐỒ



VIETNAM	CHINA	INDIA
1. Tỉnh Lạng Sơn	1. Kwangsi Province	1. Province of Yunnan
2. Tỉnh Quảng Ninh	2. Kwangtung Province	2. Province of Szechwan
3. Tỉnh Cao Bằng	3. Kwangchow Province	3. Province of Hunan